

Số: 2154/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Trịnh Thị Thọ
(địa chỉ: thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn,
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Theo phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Qua xem xét nội dung đơn khiếu nại đề ngày 12/10/2019 của bà Trịnh Thị Thọ và kết quả làm việc với Tổ công tác; Báo cáo số 298/BC-TCTLN ngày 08/12/2021 của Tổ công tác liên ngành (theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và được kiện toàn tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 31/5/2021) và kết quả đối thoại ngày 11/11/2021, cho thấy quá trình diễn biến vụ việc như sau:

I. Nội dung khiếu nại

Bà Trịnh Thị Thọ khiếu nại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Quyết định số 152), vì cho rằng diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê chồng lấn toàn bộ lên tổng diện tích đất bà đang sử dụng là 26.237m², tại 14 thửa đất¹ trên địa bàn các xã Phổ Nhơn và Phổ Phong (bà

¹ gồm: (1) Thửa đất số 73, diện tích 9.844 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Trâm, xã Phổ Phong; (2) Thửa đất số 156, diện tích 3.020 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sân Bồng, xã Phổ Nhơn; (3) Thửa đất số 156, diện tích 3.028 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, xứ đồng Đội 3, xã Phổ Nhơn; (4) Thửa đất số 403, diện tích 3.098 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt, xã Phổ Nhơn; (5) Thửa đất số 95, diện tích 145 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong; (6) Thửa đất số 102, diện tích 557 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong; (7) Thửa đất số 189, diện tích 790 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (8) Thửa đất số 192, diện tích 393 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (9) Thửa đất

Thọ căn cứ theo kết quả đo đạc của Tổ công tác do UBND huyện Đức Phổ phối hợp với các cơ quan, đơn vị xác lập năm 2020).

Bà yêu cầu UBND tỉnh phải xem xét lại và hủy bỏ một phần Quyết định số 152 chồng lấn lên phần diện tích đất bà sử dụng ổn định, liên tục hơn 30 năm, không có tranh chấp và hoàn toàn không bị Nông trường trước đây và Công ty sau này xử lý vi phạm tại diện tích **26.237m²** của **14 thửa đất** nêu trên; theo đó, xác lập thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên; trường hợp nếu tiếp tục cho Công ty thuê đất thì phải tiến hành thu hồi đất và bồi thường cho bà để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà theo pháp luật đất đai.

II. Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại

Qua xác minh thì Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi (*nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi*) là Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/12/1977. Năm 1990, UBND huyện Đức Phổ chủ trì, phối hợp với UBND xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn và Nông trường 24/3 tiến hành cắm cột mốc ranh giới giữa các xã với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền ranh giới về đất đai. Năm 1990 - 1991, Đoàn điều tra cơ bản của Ban quản lý đất đai tỉnh đã tiến hành đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho toàn bộ phần diện tích Nông trường 24/3 đang quản lý. Năm 1992, Nông trường 24/3 được chuyển giao về cho Sở Nông lâm nghiệp quản lý, sau đó được sáp nhập với Lâm trường Đức Phổ để thành lập Nông trường 24/3 Quảng Ngãi (tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Năm 2015, UBND tỉnh có Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty thì tổng diện tích đất là **709,44ha** và được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê diện tích 709,448ha, thời hạn thuê là 49 năm.

Thực hiện Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng “*về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước*”, ngày 18/10/1993, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UB phê duyệt thiết kế trồng cao su theo Dự án 327 vùng Tây Đức Phổ. Với nội dung cơ bản: *Nhà nước hỗ trợ về vốn và dịch vụ kỹ thuật, các hộ được vận động đăng ký tham gia trồng cao su có đơn gửi UBND các xã xin nhận đất, nhận rừng.*

số 193, diện tích 567 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (10) Thửa đất số 254, diện tích 862 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sơn Đường, xã Phổ Nhơn; (11) Thửa đất số 103, diện tích 506 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong; (12) Thửa đất số 198, diện tích 287 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (13) Thửa đất số 373, diện tích 409 m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (14) Thửa đất số 72, diện tích 2.731m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Trâm, xã Phổ Phong.

Diện tích đất bà Trịnh Thị Thọ (14 thửa đất) khiếu nại nêu trên, nguyên là đất Nhà nước giao cho Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ quản lý, có nguồn gốc đất như sau:

- Đối với diện tích do bà Thọ nhận theo Dự án 327: Thực hiện Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UB ngày 18/10/1993 phê duyệt thiết kế trồng cao su theo Dự án 327 vùng Tây Đức Phổ với nội dung cơ bản: Nhà nước hỗ trợ về vốn và dịch vụ kỹ thuật, các hộ được vận động đăng ký tham gia trồng cây cao su có đơn gửi UBND các xã xin nhận đất, nhận rừng (sau đây viết tắt là Dự án 327). Bà Trịnh Thị Thọ thời điểm này là công nhân Nông trường 24/3, có đơn đề ngày 25/9/1993 xin vay vốn để khai hoang trồng cây cao su năm 1993 với diện tích khoảng 1,16ha ($11.525m^2$) (tương ứng với 02 thửa đất đều đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016 gồm: (1) thửa đất số 73 (do bà Thọ nhận để trồng cây cao su), diện tích $9.844m^2$, loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Trám, xã Phổ Phong, bản đồ đo vẽ năm 2020, giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07849; (2) thửa đất số 72 (do bà Thọ khai hoang theo Dự án 327, phá bờ lô, bờ thửa lân cận thửa đất số 73 do chính bà nhận đất để trồng cây cao su), tờ bản đồ số 1, diện tích $1.681m^2$, loại đất CLN, xứ đồng Cây Trám, xã Phổ Phong), giấy chứng nhận số vào sổ lần lượt là CT 07849 và CT 07814), đã được Ban quản lý Dự án 327 xác lập Khế ước vay tiền (Kiếm giấy nhận nợ) lập ngày 25/9/1993 duyệt cho vay số tiền 3.977.356 đồng, kỳ hạn 84-96 tháng, 0% lãi suất với mục đích khai hoang trồng mới cây cao su năm 1993, ngày trả nợ là 02/10/2001. Theo đó, giữa Ban quản lý Dự án đầu tư và phát triển kinh tế xã hội Tây Đức Phổ (sau đây viết tắt là Ban quản lý Dự án) và bà Trịnh Thị Thọ xác lập Hợp đồng kinh tế không số/HĐKT ngày 25/9/1993 về việc trồng cây cao su theo Dự án, trong đó xác định một trong số trách nhiệm của Ban quản lý Dự án là làm các thủ tục để cấp có thẩm quyền quyết định giao đất cho bà Trịnh Thị Thọ sử dụng lâu dài theo Dự án; đồng thời, bà Thọ cam kết đúng khế ước vay vốn, phải hoàn trả vốn vay cho Nhà nước đúng số lượng và thời gian đã quy định.

Đến ngày 18/12/1993, bà Trịnh Thị Thọ có đơn xin nhận đất, nhận rừng gửi UBND huyện Đức Phổ và UBND xã Phổ Nhơn, diện tích xin nhận là 1,16ha, không xác định vị trí lô, khoảnh số, tiểu khu, mục đích khai hoang và trồng mới cây cao su năm 1993, thời gian sử dụng ghi "10-1993".

Quá trình trồng, chăm sóc cây cao su không có hiệu quả, UBND tỉnh đã thống nhất tại Thông báo số 30/TB-UB ngày 19/3/2002 hủy toàn bộ diện tích cây cao su do các hộ công nhân nông trường và người dân thực hiện, khoan nợ vốn vay hoặc xóa nợ. Khi chấm dứt dự án trồng cây cao su theo Dự án 327, theo Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/4/2003 của UBND huyện Đức

Phổ thì các hộ phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Qua kiểm tra hồ sơ bà Thọ không có đơn xin nhận đất trồng mía và cam kết trả nợ; tuy nhiên, quá trình sử dụng bà có thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 và đều có nộp sản lượng cho Nông trường từ năm 2005 đến 02/2017 cụ thể bằng các chứng từ². Tuy nhiên, từ tháng 3/2017 đến tháng 09/2018, phía Công ty có nhiều văn bản yêu cầu bà Thọ nộp các khoản phải thu trên đất nhận khoán đối với cây mía và các khoản thu khác từ năm 2017, 2018 nhưng bà không đồng ý vì cho rằng đất này không phải bà thuê của Công ty.

Đến ngày 29/8/2011, bà Trịnh Thị Thọ có đơn xin giao khoán đất nông lâm nghiệp thể hiện địa điểm khu đất xin giao khoán thuộc khu vực Công ty Nông lâm nghiệp 24/3 với diện tích là 1ha58m² (10.058m², có liên quan đến nội dung khiếu nại hiện nay của bà Thọ), để sử dụng vào mục đích sản xuất nông lâm nghiệp, nhưng Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 chưa thực hiện lập hợp đồng giao khoán theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

- Đối với diện tích đất Nông trường giao canh tác lấy ngắn nuôi dài trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su và giao sản xuất ổn định lương thực (đất thuần): gồm **11 thửa**, tổng diện tích **13.307m²** đều đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty, cụ thể: (1) thửa đất số 156, diện tích 3.020m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sân Bông, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07916; (2) thửa đất số 156, diện tích 3.082m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, xứ đồng Đội 3, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07952; (3) thửa đất số 403, diện tích 3.098m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07906; (4) thửa đất số 254, diện tích 862m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Xường Đường, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07927; (5) thửa đất số 95, diện tích 145 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07840; (6) thửa đất số 102, diện tích 557m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07840; (7) thửa đất số 103, diện tích 506 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Phong, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07840; (8) thửa đất số 198, diện tích 287 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07936; (9) thửa đất số 189, diện tích 790 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07936; (10) thửa đất số 192, diện tích 393m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng

² Tại các Biên bản đối chiếu số tiền thu hộ vụ mía giữa Nhà máy đường Phổ Phong với Nông trường 24/3: ngày 16/5/2006 (vụ 2005-2006), ngày 03/7/2008 (vụ 2007-2008), ngày 8/7/2009 (vụ 2008-2009), Kế hoạch thu sản lượng khoán mía vụ 2010-2011; ngày 27/6/2012 (vụ 2011-2012), ngày 27/6/2013 (vụ 2012-2013), ngày 26/5/2016 (vụ 2015-2016), ngày 15/6/2017 (vụ 2016-2017); Phiếu thu ngày 13/4/2015.

Quang Thượng, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07936; (II) thửa đất số 193, diện tích 567 m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn, Giấy chứng nhận số vào sổ là CT 07936.

Qua xác minh thì nguồn gốc đất là do Nông trường 24/3 chủ trương khai hoang trước năm 1993. Khi có dự án trồng cây cao su thì chủ trương của Nông trường là giao các hộ để tự sản xuất, thu hoạch sản phẩm trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su (*còn gọi là canh tác để lấy ngắn nuôi dài*); đồng thời, có một số thửa ruộng bà Thọ được giao sản xuất để ổn định lương thực. Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án trồng cây cao su (năm 2002) thì bà Thọ vẫn tiếp tục canh tác và có nộp sản lượng cho Nông trường (*sau này là Công ty*) từ năm 2005 đến tháng 02/2017.

Liên quan đến diện tích bà Thọ trước đây được Nông trường phân bổ thể hiện tại Quyết định số 07/QĐ-NT ngày 29/9/2004 về phân hạng chia lại ruộng đất và Bảng thống kê diện tích ruộng sau khi phân bổ lại năm 2004 lập ngày 15/11/2004 của Nông trường 24/3, xác định bà Trịnh Thị Thọ được phân bổ với tổng diện tích là 3.935m², cụ thể: 740m² ở xứ đồng Huyện Đội, 745m² (*không rõ xứ đồng*), 1.750m² ở xứ đồng Quang Thượng, 700m² ở xứ đồng Ông Thuộc.

Ngoài ra, tại Quyết định số 164/QĐ-243AFC ngày 12/7/2017 của Công ty về việc cho nghỉ việc hưởng chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, theo đó đã xác định thời điểm nghỉ việc và tính chế độ của bà Trịnh Thị Thọ là ngày 26/12/2016, cũng tại Quyết định này đã yêu cầu bà Trịnh Thị Thọ giao trả lại cho Công ty 0,820ha đất nhận khoán sản xuất trồng cây mía tại xứ đồng Mỏ Vịt: 0,27ha; Sân Bống: 0,27ha; Đội 3 dưới: 0,28ha và quyết toán các khoản nợ (nếu có) khi Công ty chi trả tiền trợ cấp. Đến ngày 16/11/2017, giữa Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 và bà Trịnh Thị Thọ đã xác lập Biên bản bàn giao đất nhận khoán khi thôi việc hưởng trợ cấp chế độ dôi dư theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP, theo đó xác định diện tích nhận khoán đất thuần trồng mía của bà Thọ với tổng diện tích 0,820ha như tại Quyết định số 164/QĐ-243AFC, thống nhất giao trả đất lại cho Công ty, đến thời vụ thu hoạch mía, bà Thọ thực hiện thu hoạch theo kế hoạch của Công ty và tiến hành giao trả đất lại cho Công ty theo quy định.

Sau đó, Công ty đã nhiều lần Thông báo³ đề nghị bà Thọ thực hiện các khoản thu trên đất nhận khoán cùng với việc thực hiện thu dọn hoa màu trên

³ Thông báo số 113/TB-243AFC ngày 05/3/2018 Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 về các khoản thu trên đất nhận khoán đối với cây mía, lúa và các khoản thu khác năm 2018 của bà Trịnh Thị Thọ tổng cộng là 3.571.740 đồng gồm: 0,27ha tại xứ đồng Mỏ Vịt, trồng mía với số tiền 298.890 đồng; 0,27ha tại xứ đồng Sân Bống trồng mía với số tiền 298.890 đồng; 0,28ha tại xứ đồng Đội 3 trồng mía với số tiền 204.120 đồng; 1,16ha tại xứ đồng Cây Trâm trồng mía với số tiền 1.100.790 đồng; Tiền thuê đất gồm 1,98ha đất mía với số tiền 1.386.000 đồng; 3.774m² đất lúa với số tiền là 283.050 đồng; cùng với các khoản thu khác là 7.386.928 đồng; Thông báo không số/TB-24/3AFC ngày 26/7/2018 đề nghị bà Trịnh Thị Thọ thu dọn hoa màu trên đất tại Xứ đồng Sân Bống, Đội 3 dưới và Mỏ Vịt từ ngày 27/7/2018 đến hết ngày 10/8/2018 để trả lại đất cho Công ty theo nội dung biên bản đã ký kết.

đất để trả lại đất cho Công ty theo nội dung biên bản đã ký kết ngày 16/11/2017, do vậy, đến ngày 17/8/2018, giữa Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 và bà Trịnh Thị Thọ đã tiếp tục ký kết Biên bản cam kết thu hoạch hoa màu và trả lại đất cho Công ty đối với các thửa đất số 26, 156, tờ bản đồ số 3, diện tích $6.113m^2$, xứ đồng Sân Bông và Mỏ Vịt; tuy nhiên, đến nay bà Thọ vẫn không thực hiện đúng như cam kết.

- *Đối với diện tích đất do bà Thọ cho rằng tự khai hoang:* Tại thửa đất số 373, tờ bản đồ số 1, diện tích $409m^2$, loại đất CLN, xứ đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn, đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty, sổ vào sổ là CT 07936, được bà Thọ sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất để trồng keo đến năm 2017 thì bỏ trống vì Công ty cho rằng đất của Công ty nên ngăn cản không cho phép bà Thọ tiếp tục sử dụng.

Quá trình xác minh cho thấy, đây diện tích đất hoang nhưng thuộc phạm vi quản lý của Nông trường để làm bờ lô, bờ vùng. Tuy nhiên, khi bà Thọ khai hoang (*qua trình bày của bà Thọ là vào năm 1990, không có giấy tờ chứng minh*) Nông trường trước đây cũng như về sau là Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời và cũng không báo cáo chính quyền địa phương để xử lý. Đồng thời, tại Biên bản cuộc họp ngày 16/7/2010 của Công ty có nội dung thể hiện: “*Nông trường 24/3 cũ trước đây kể từ khi thành lập năm 1977 đến nay không có chủ trương cho bất cứ một cá nhân nào khai hoang trên đất nông trường. Những diện tích ngoài diện tích giao khoán là dân tự chiếm các bờ lô, bờ thửa, bờ chống cháy, chống xói mòn,...chứ không phải đất khai hoang*”. Ngoài ra, qua các lần làm việc với ông Nguyễn Tuấn Mỹ (*nguyên Giám đốc Nông trường 24/3 Quảng Ngãi giai đoạn 1998-2005, kiêm chức vụ Giám đốc Ban quản lý Dự án 327*) vào ngày 17/9/2020 và ngày 03/12/2021 đều thể hiện toàn bộ diện tích đất này nguyên là của Nông trường, khi các hộ dân nhận trồng cây cao su có cho phép (*không thể hiện bằng văn bản*) khai phá các bờ lô, bờ thửa, dọc bờ sông, bờ suối để trồng các loại cây cải thiện cuộc sống; hoàn toàn không có việc các hộ dân tự khai hoang từ trước.

Qua kiểm tra thực địa vào ngày 29/01/2021 (do bà Thọ dẫn đạc) cho thấy, các thửa đất khiếu nại có ranh giới, giới cận rõ ràng, hiện trạng vào thời điểm kiểm tra trên đất cho thấy có 02 thửa đất hiện tại do Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 đang trồng gai (*thửa đất số 156, diện tích $3.020m^2$*) và trồng chuối (*thửa đất số 403, diện tích $3.098m^2$*), 06 thửa đất bỏ trống và 01 thửa đất trồng dưa, 01 thửa đất trồng keo, 04 thửa trồng lúa 1 vụ.

Qua kiểm tra thực tế của Tổ công tác liên ngành vào ngày 28/9/2021, đối chiếu với điểm mốc xác định ranh giới giữa Công ty 24/3 và các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong qua từng giai đoạn (năm 1990, 2006, 2014) thì 14 thửa đất, diện tích $26.237m^2$ (*qua quá trình rà soát và đối chiếu với diện tích thực tế bà Thọ sử dụng tại thời điểm năm 2020 với thời điểm đo đạc năm 2014, số liệu thực tế bà Thọ sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận cho Công ty là*

25.241m² do có sự sai lệch về diện tích tại 02 thửa đất gồm: (1) thửa đất số 156, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.028 m² thành 3.082m²; (2) thửa đất số 72, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.731m² điều chỉnh thành 1.681m²) mà bà Thọ đang có khiếu nại đều nằm trong phạm vi ranh giới đất Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng trước đây và sau này là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

- Đối với nội dung bà Trịnh Thị Thọ khiếu nại và yêu cầu xem xét hủy bỏ một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi là hoàn toàn không có căn cứ. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh quyết định cho Công ty 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn với Nông trường để phân định thẩm quyền quản lý; đồng thời, tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty 24/3 cũng đã xác định diện tích “*quy hoạch quản lý, sử dụng đất sau khi sắp xếp*” của Công ty là 709,44ha. Căn cứ các quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định.

III. Kết quả đối thoại

Ngày 11/11/2021, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành (*được Chủ tịch UBND tỉnh phân công*) đã tổ chức gặp gỡ, đối thoại với bà Trịnh Thị Thọ và các cơ quan, đơn vị liên quan. Tại cuộc họp đối thoại, các thành phần tham dự đều thống nhất với Báo cáo thẩm tra, xác minh của Tổ công tác. Riêng bà Trịnh Thị Thọ vẫn giữ nguyên nội dung như trong đơn khiếu nại trước đây đã được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh.

IV. Kết luận

- Đối với diện tích đất bà Trịnh Thị Thọ nhận để thực hiện Dự án 327: gồm **02 thửa đất** bà nhận trồng cây cao su có Hợp đồng với Ban quản lý Dự án 327, cụ thể là thửa đất số 73, diện tích **9.844m²**, loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Trâm, xã Phổ Phong do bà Thọ nhận để trồng cây cao su và thửa đất số 72, diện tích **1.681m²**, loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Trâm, xã Phổ Phong, do bà Thọ khai hoang theo Dự án 327, phá bờ lô, bờ thửa lân cận thửa đất số 73, toàn bộ diện tích đất này đều có thời gian sử dụng đất theo dự án trồng cây cao su. Sau khi Dự án kết thúc năm 2002, do không

hiệu quả, diện tích đất bà nhận từ Dự án 327 được chuyển sang trồng mía theo chủ trương của tỉnh, riêng thửa đất số 72 bà sử dụng để trồng keo. Người dân nhận đất trồng cây cao su trước đây, nếu muốn tiếp tục sử dụng phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cao su (*Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/4/2003 của UBND huyện Đức Phổ*). Qua kiểm tra hồ sơ bà Thọ không có đơn như nội dung văn bản nêu trên, nhưng quá trình sử dụng, bà vẫn thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 và nộp sản lượng cho Nông trường.

Do vậy, căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì tổng diện tích **11.525m²** của **02 thửa đất** ở xã Phổ Phong hoàn toàn không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Thọ; do đó, cũng không có cơ sở để tiến hành thu hồi đất và xác lập bồi thường cho bà Thọ như yêu cầu của bà trong trường hợp tiếp tục cho Công ty thuê đất.

- *Đối với diện tích đất đất thuần*: Đây là đất Nông trường khai hoang trước đó giao cho bà sử dụng để sản xuất để có thu nhập, cải thiện cuộc sống trong khi chờ thu hoạch mù cây cao su và sản xuất ổn định lương thực, không phải đất bà tự khai hoang trước đây. Ngoài ra, thời điểm giải quyết chế độ dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, giữa Công ty và bà Trịnh Thị Thọ thống nhất giao trả đất lại cho Công ty; tuy nhiên, thực tế bà Thọ đến nay vẫn không thực hiện vì cho rằng phải xác lập các thủ tục thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai.

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì tổng diện tích **13.307m²** của **11 thửa đất** hoàn toàn không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Thọ; do đó, cũng không có cơ sở để tiến hành thu hồi đất và xác lập bồi thường cho bà Thọ như yêu cầu của bà trong trường hợp tiếp tục cho Công ty thuê đất.

- *Đối với diện tích đất bà Thọ cho rằng tự khai hoang*: Qua làm việc bà Thọ trình bày bắt đầu khai hoang vào năm 1990, tuy nhiên đều không có giấy tờ chứng minh việc khai hoang hợp pháp; hơn nữa qua kết quả xác minh có đầy đủ cơ sở để khẳng định đây là khu vực đất Nông trường 24/3 quản lý để làm bờ lô, bờ thửa, chống cháy, giao thông,... Trong quá trình sản xuất, lẽ ra khi bà Thọ sử dụng phần diện tích này thì Nông trường phải có biện pháp xử lý theo đúng quy định pháp luật nhưng lại không thực hiện chặt chẽ, dẫn đến việc bà Thọ cho rằng đất này do bà tự khai hoang không vi phạm, sử dụng ổn định và hiện nay đang khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

Hành vi của bà Thọ là vi phạm quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, Điều 6 Luật Đất đai năm 1993; đồng thời, đối chiếu quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì diện tích **409 m²**, thửa đất số 373, tờ bản đồ số 1 hoàn toàn không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Thọ; do đó, cũng không có cơ sở để tiến hành thu hồi đất và xác lập bồi thường cho bà Thọ như yêu cầu của bà trong trường hợp tiếp tục cho Công ty thuê đất.

- Đối với nội dung bà Thọ yêu cầu xem xét hủy bỏ một phần Quyết định số 152 là hoàn toàn không có căn cứ, vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh quyết định cho Công ty 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định số 152 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn với Nông trường để phân định thẩm quyền quản lý. Qua phân tích ở phần II Quyết định này thì **14 thửa đất** này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trịnh Thị Thọ mà toàn bộ do Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng; do vậy, việc UBND tỉnh cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là đúng quy định; đồng thời, tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty 24/3 cũng đã xác định diện tích "*quy hoạch quản lý, sử dụng đất sau khi sắp xếp*" của Công ty là 709,44ha. Căn cứ các quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục để UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152 là đúng quy định.

Do vậy, toàn bộ khiếu nại, yêu cầu của bà Trịnh Thị Thọ được hưởng quyền lợi đối với 14 thửa đất nêu trên theo quy định Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận khiếu nại của bà Trịnh Thị Thọ đối với các nội dung: yêu cầu UBND tỉnh hủy bỏ một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh chồng lấn lên phần diện tích đất **26.237m²** (*thực tế bà Thọ quản lý sử dụng là 25.241m²* và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi), xác lập thu hồi đất và bồi thường cho bà đối với phần diện tích này. Đồng thời, giữ nguyên nội dung Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty

TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi đối với phần diện tích $25.241m^2$ nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức công khai nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và giao Quyết định này cho bà Trịnh Thị Thọ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu bà Trịnh Thị Thọ không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Chủ tịch UBND các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và bà Trịnh Thị Thọ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thị ủy Đức Phổ;
- VPUB: PCVP (TD), KTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NC1035

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn